

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hà.
2. Ông Lê Hưng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Có, Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 449/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: 114 P, thị trấn P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Phạm Trọng T1, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 148/24 P, thị trấn P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày: Bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Trọng T1 tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 313, quyển số 02/2007 ngày 18/6/2007. Sau khi kết hôn có thời gian cả hai sinh sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Do ông T1 không quan tâm đến vợ con và thường đi nhậu với bạn bè từ sáng đến tối với về, mỗi lần nhậu về là chửi đánh vợ con, bà T nhiều lần khuyên nhưng ông T1 vẫn không chịu sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T và ông T1 không còn chung sống từ tháng 9/2020 đến nay và không còn liên lạc gì với

nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết:

+ Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Trọng T1.

+ Về con chung: Quá trình chung sống ông T1 và bà T có 03 con chung là Phạm Thế V sinh ngày 18/5/2007, Phạm Thế H sinh ngày 29/3/2010, Phạm Hoàng Yến T2 sinh ngày 06/7/2014, ông T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thế V, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thế H, Phạm Hoàng Yến T2. Bà T yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng Phạm Thế H, Phạm Hoàng Yến T2; ông T1 được trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thế V; bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Ngày 16/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại khu phố S, thị trấn P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Ông Phạm Trọng T1, sinh năm 1986, thường trú tại khu phố S, thị trấn P1, huyện Tuy Phong. Về tình trạng hôn nhân: vợ chồng ông T1 bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T1 bà T đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, ông T1 vẫn ở tại địa phương còn bà T đi đâu không rõ. Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Thế V sinh năm 2007, Phạm Thế H sinh năm 2010, Phạm Hoàng Yến T2 sinh năm 2014. Hiện nay ông T1 đang trực tiếp nuôi Phạm Thế V, bà T dẫn Phạm Thế H và Phạm Hoàng Yến T2 đi đâu không rõ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Do đó vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý đoàn tụ với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Phạm Trọng T1, giao con chung Phạm Thế V sinh ngày 18/5/2007 cho ông Phạm Trọng T1 tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Thế H sinh ngày 29/3/2010, Phạm Hoàng Yến T2 sinh ngày 06/7/2014 cho bà Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, bà Huỳnh Thị T không yêu cầu ông Phạm Trọng T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Trọng T1 và nuôi con chung do đó Tòa án thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Tại phiên tòa ông Phạm Trọng T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ thì bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Trọng T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày từ năm 2016, ông T1 không quan tâm đến vợ con và thường đi nhậu với bạn bè từ sáng đến tối với về, mỗi lần nhậu về là chửi đánh vợ con, bà T nhiều lần khuyên nhưng ông T1 vẫn không chịu sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T và ông T1 không còn sống chung như vợ chồng từ tháng 9/2020 đến nay và không còn liên lạc gì với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến giải quyết nhưng ông không chấp hành, điều này chứng tỏ ông T1 không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Quá trình xác minh tại địa phương nơi ông T1 và bà T sinh sống cũng xác định bà T đã không còn chung sống với ông T1. Nhận thấy rằng tình trạng hôn nhân của ông T1 và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Thế V sinh ngày 18/5/2007, Phạm Thế H sinh ngày 29/3/2010, Phạm Hoàng Yến T2 sinh ngày 06/7/2014, cả ba con đều chưa thành niên. Nguyên vọng của cháu H và cháu T2 muốn được ở với mẹ. Phía ông T1 và cháu V không đến Tòa án trình bày ý kiến về vấn đề con chung. Tuy nhiên hiện ông Phạm Trọng T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thế V, bà Huỳnh Thị T đang trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Thế H và Phạm Hoàng Yến T2, do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung và theo nguyện vọng của cháu H và cháu T2 thì Hội đồng xét xử sẽ giao con chung Phạm Thế V cho ông Phạm Trọng T1 tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Thế H, Phạm Hoàng Yến T2 cho bà Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Phạm Trọng T1.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thế V sinh ngày 18/5/2007 cho ông Phạm Trọng T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Thế H sinh ngày 29/3/2010, Phạm Hoàng Yến T2 sinh ngày 06/7/2014 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu ông Phạm Trọng T1 cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009173 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND Tt.P, huyện Tuy Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ